



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 7/2012

GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty Viet Fund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3825 1488 Fax: (84 8) 3825 1489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3942 8168 Fax: (84 4) 3942 8169

QUỸ ĐẦU TƯ

VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	24/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 07/2012

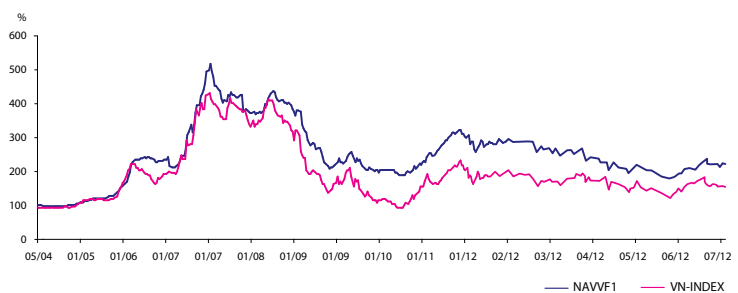
Trong tháng 7, thị trường chứng khoán có xu hướng đi ngang và tiếp tục quá trình tích lũy. Thanh khoản vẫn ở mức thấp so với đầu năm. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/07/2012, VN-Index đạt 414,5 điểm và giảm -1,9% so với cuối tháng 6 trong khi HNX-Index đạt 69,2 điểm và giảm -2,6% so với cuối tháng 6. Ảnh hưởng bởi xu thế đó, quỹ đầu tư VF1 ghi nhận mức tăng trưởng âm so với tháng 7. Kết thúc tháng, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 15.299 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm -1,4% so với cuối tháng 6. So sánh với VN-Index, quỹ đầu tư VF1 có mức tăng trưởng tốt hơn trong kỳ 6 tháng và giảm nhẹ hơn trong kỳ 3 tháng và 9 tháng.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/07/2012			Tăng trưởng (%)					
	NAV	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (24/05/2004)
VF1	1.000	1.529,9	15.299	(1,4)	(7,4)	12,3	(0,8)	17,8	52,99(*)
VN-Index			414,5	(1,9)	(12,5)	6,8	(1,5)	17,9	58,5
HNX-Index			69,2	(2,6)	(13,4)	14,2	(1,5)	17,8	(30,8)

(*): chưa bao gồm các lần trả cổ tức

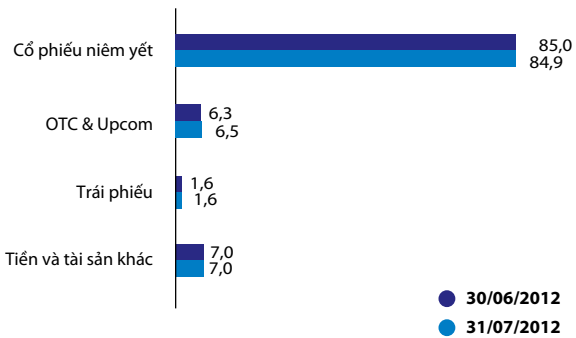
Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 24/05/2004=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)						17,8	32,5
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

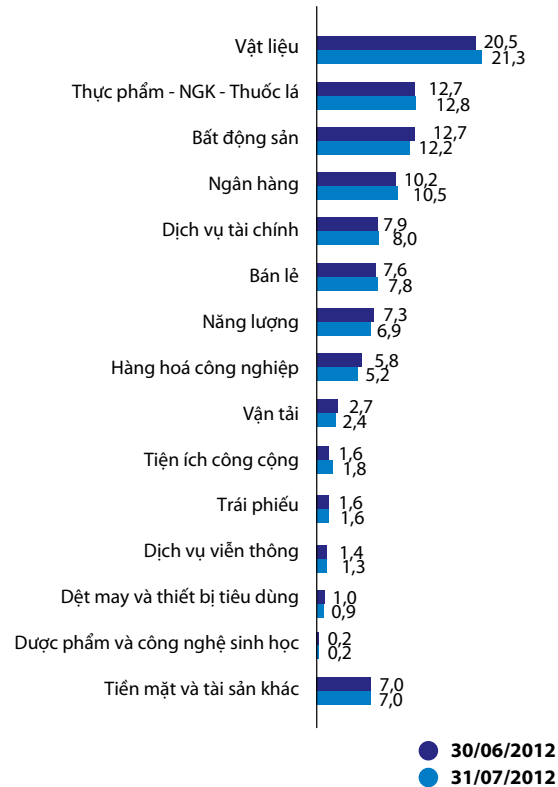
(*): tính trên vốn bình quân

Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 7, do hoạt động giải ngân và thanh toán được hạn chế, tỷ trọng phân bổ tài sản gần như không thay đổi so với tháng trước. Cổ phiếu niêm yết vẫn giữ mức 84,9% NAV, tỷ trọng cổ phiếu OTC & Upcom tăng lên 6,5% NAV, trong khi tỷ trọng của trái phiếu còn 1,6% NAV. Tỷ trọng tiền mặt vẫn ở quanh mức 7,0% NAV. Tỷ trọng danh mục của quỹ đầu tư VF1 trong kỳ hầu như không thay đổi trong kỳ.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



So với tháng 6, phân bổ danh mục của quỹ đầu tư VF1 không có nhiều biến động. Sự tăng trưởng tỷ trọng trong một số ngành chủ yếu do tăng trưởng về giá. Trong đó cổ phiếu ngành Vật liệu có mức tăng trưởng khá tốt nên đã nâng tỷ trọng ngành này tăng từ 20,5% lên 21,3%.

Tỷ trọng tiền mặt tại ngày 31/07/2012 vẫn ở quanh mức 7,0% NAV

Tính đến thời điểm 31/07/2012, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 37 cổ phiếu thuộc 14 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Vật liệu (21,3%)
- + Thực phẩm, NGK & Thuốc lá (12,8%)
- + Bất động sản (12,2%)
- + Ngân hàng (10,5%)
- + DV Tài chính (8,0%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VF4

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/6/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 07/2012

Thị trường chứng khoán trong tháng 7 tiếp tục giảm nhẹ so với tháng trước. Thanh khoản của thị trường vẫn ở mức thấp. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/07/2012, VN-Index đạt 414,5 điểm và giảm -1,9% so với cuối tháng 6 trong khi HNX-Index đạt 69,2 điểm và giảm -2,6% so với cuối tháng 6, trong khi đó quỹ đầu tư VF4 ghi nhận mức tăng trưởng âm trong kỳ.

Kết thúc tháng 7, NAV của Quỹ đầu tư VF4 đạt 6.644 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm -0,7% so với cuối tháng 6.

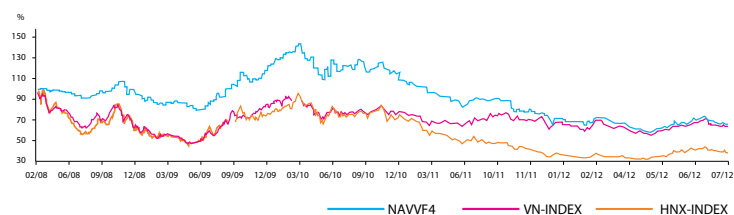
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/07/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VF4	806,5	535,8	6.644	(0,7)	(6,1)	13,8	1,0	20,6	(13,6)
VN-Index			414,5	(1,9)	(12,5)	6,8	(1,5)	17,9	(39,6)
HNX-Index			69,2	(2,6)	(13,4)	14,2	(1,5)	17,8	(70,2)

(*) sau khi trừ cổ tức 1,000 đồng/cổ phiếu trong tháng 12/2009 và 1,000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong tháng 04/2010

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index

28/02/2008=100

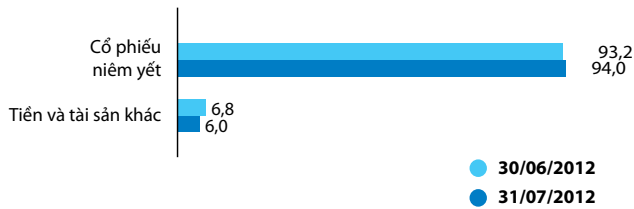


5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	11,2
EIB	HOSE	11,2
DPM	HOSE	10,8
FPT	HOSE	10,4
MSN	HOSE	6,5

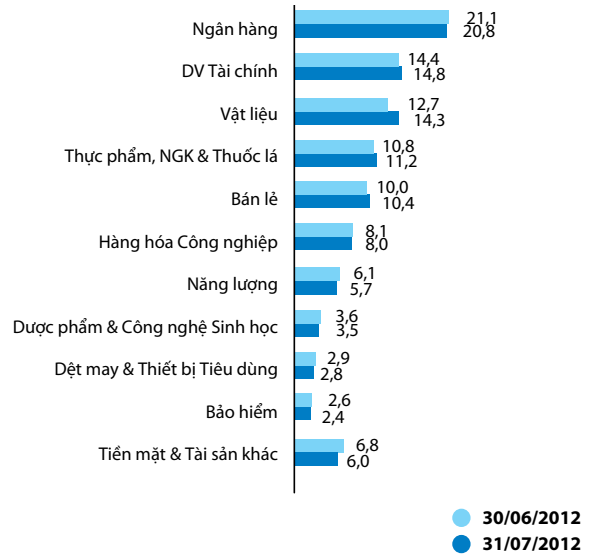
Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)						20,6	37,8
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 7, tỷ trọng Cổ phiếu niêm yết vẫn duy trì ở mức 94,0% NAV, chiếm 6,0% NAV còn lại là tiền khả dụng. Tiền mặt giảm nhẹ so với cuối tháng 6 do hoạt động mua ròng trong tháng 7.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



So với tháng 6, cơ cấu tài sản phân theo ngành không có nhiều thay đổi, chủ yếu tăng nhẹ do hoạt động giải ngân và do thị giá tăng trong tháng.

Tính đến thời điểm 31/07/2012, danh mục đầu tư của Quỹ VF4 bao gồm 24 cổ phiếu thuộc 10 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Ngân hàng (20,8%)
- + DV Tài chính (14,8%)
- + Vật liệu (14,3%)
- + Thực phẩm, NGK & Thuốc lá (11,2%)
- + Bán lẻ (10,4%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VFA

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh	Vietnam Active Fund
Mã giao dịch	VFMVFA
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	240.437.600.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	24.043.760 đvq
Ngày thành lập	02/04/2010
Ngày niêm yết	08/09/2010
Thời hạn hoạt động	5 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,04%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
Mục tiêu đầu tư	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

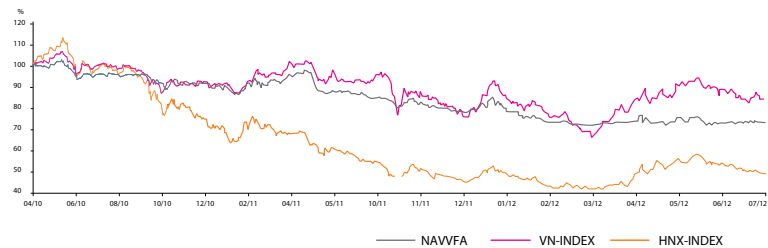
Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 7/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục điều chỉnh khi cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt mất 1,9% và 2,6% trong tháng 7/2012. Trong cùng kỳ, NAV trên chứng chỉ Quỹ VFA đạt 7.089,3 đồng và có mức giảm 1,9% trong tháng. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA giảm 29,1%, cao hơn với mức giảm của VN-Index và tương đương với 50% mức giảm của HNX-Index.

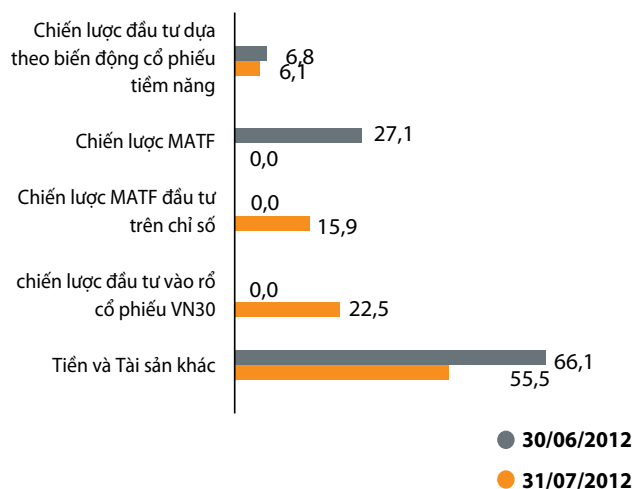
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/07/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
VFA	240,4	170,5	7.089,3	(1,9)	(6,0)	(2,5)	(7,1)	(0,70)	(29,1)
VN-Index			414,5	(1,9)	(12,5)	6,8	(1,5)	17,9	(18,8)
HNX-Index			69,2	(2,6)	(13,4)	14,2	(1,5)	17,8	(57,8)

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 02/04/2010=100



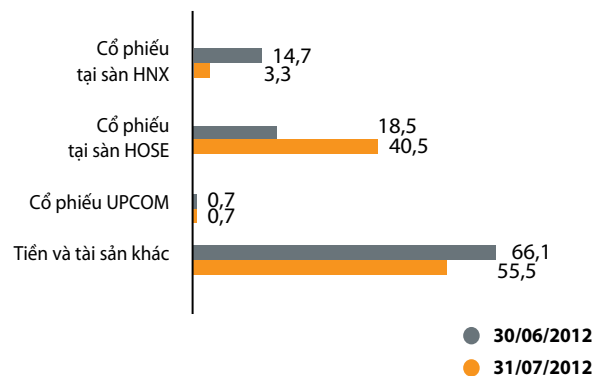
Danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 7/2012, được sự chấp thuận của Hội đồng đầu tư, Quỹ VFA đã thay thế chiến lược đầu tư theo xu hướng dựa theo hệ số bình quân (Model Averaging Trend Following – MATF) trên chỉ số bằng chiến lược MATF trên cổ phiếu. Chiến lược MATF trên cổ phiếu kế thừa các điểm mạnh về quản trị rủi ro và tín hiệu mua bán của chiến lược MATF trên chỉ số và mở rộng áp dụng trên các nhóm cổ phiếu. Việc nhận dạng các nhóm cổ phiếu có biến động tương đối khác nhau làm tăng mức độ đa dạng hóa cho chiến lược đầu tư theo xu hướng. Hội đồng đầu tư cũng nhất trí phân bổ 30% NAV vào nắm giữ các cổ phiếu trong rổ VN30 nhằm đa dạng hóa danh mục và giảm thiểu rủi ro về mô hình khi áp dụng chiến lược MATF trên cổ phiếu.

Trong tháng 7/2012, chiến lược MATF trên cổ phiếu thực hiện tín hiệu mua một phần và làm tăng tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ của chiến lược này lên 15,9% NAV. Các cổ phiếu từ chiến lược MATF được tái cơ cấu và chuyển sang chiến lược đầu tư rổ cổ phiếu VN30.

Phân bố tài sản (%)



Do chiến lược MATF trên cổ phiếu và rổ cổ phiếu VN30 tập trung vào các cổ phiếu thanh khoản cao trên sàn HOSE nên tỷ trọng các cổ phiếu trên sàn HOSE tăng từ 18,5% NAV lên 40,5% NAV trong khi tỷ trọng các cổ phiếu sàn HNX giảm mạnh từ 14,7% xuống còn 3,3% NAV trong tháng 7/2012. Tỷ lệ tiền mặt giảm từ 66,1% NAV xuống còn 55,5% NAV do chiến lược MATF trên cổ phiếu giải ngân thêm trong khi chiến lược đầu tư vào rổ VN30 nắm giữ cổ phiếu trong trung và dài hạn.



VIETFUND MANAGEMENT

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty Vietfund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.